

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Gang thép Cao Bằng

Ngày 31/03/2025	13,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	9.2%	51.2%

DT thuần Q1/25
418
tỷ VNĐ
QoQ: ▼49.0 -10.4%
YoY: ▼265 -38.8%

LN thuần Q1/25
-51.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 48.4 48.7%
YoY: ▼52.2 -4460%

LN sau thuế Q1/25
-50.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 48.5 49.0%
YoY: ▼51.5 -5361%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
-9.9%
YoY: +/-▲ 9.1%

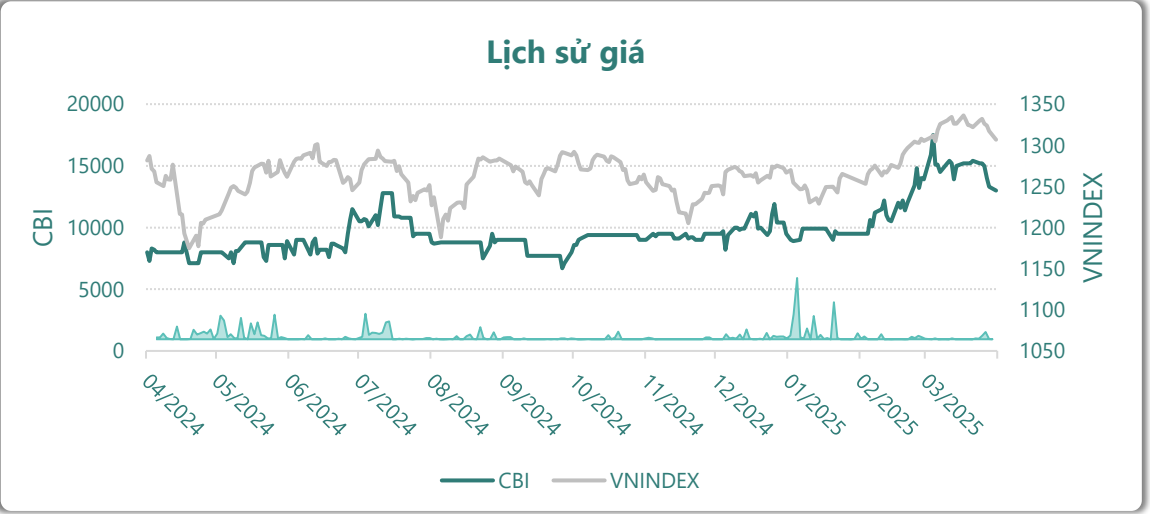
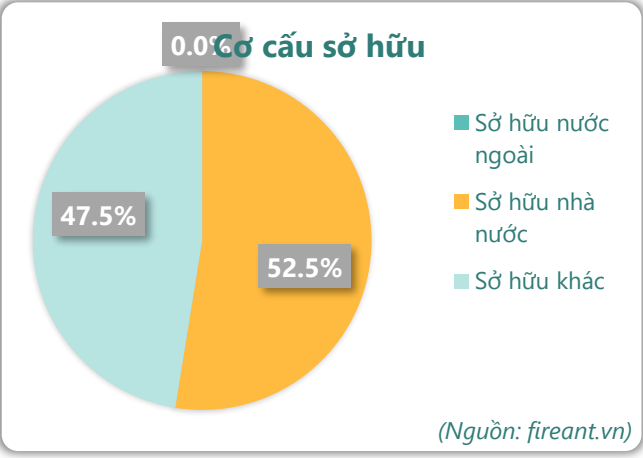
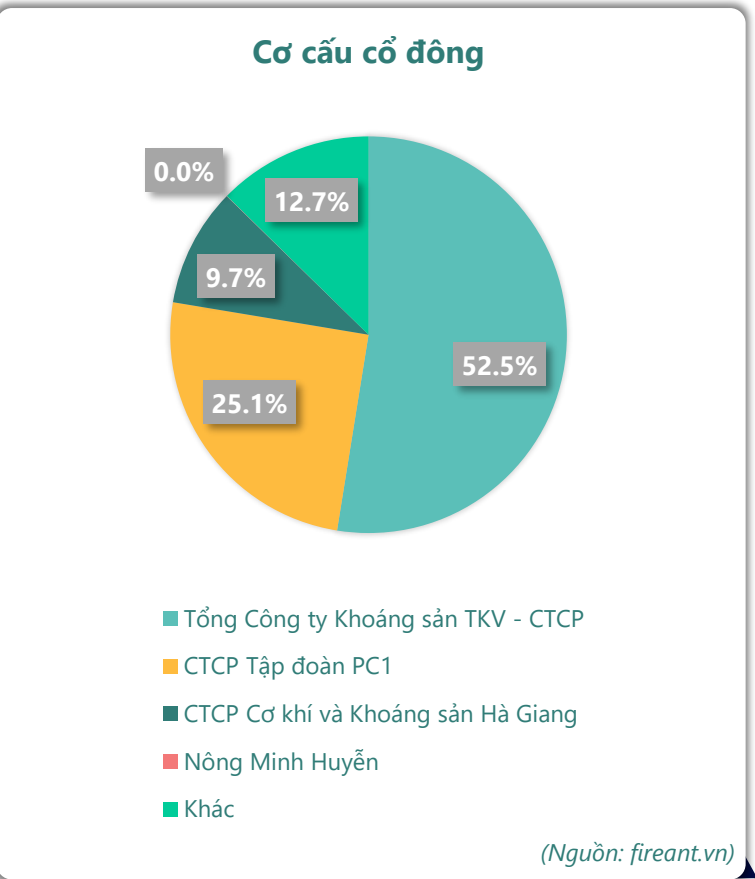
ROE (TTM) Q1/25
-60.6%
YoY: +/-▼ 19.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,700 - 17,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	43,006,366
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,075
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.86
EPS	-4,695
P/E	-2.8

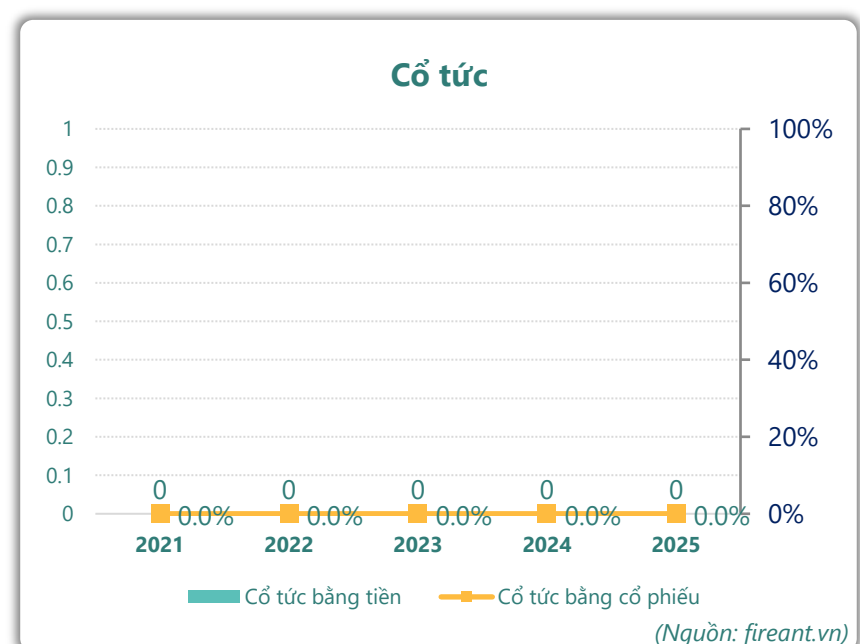
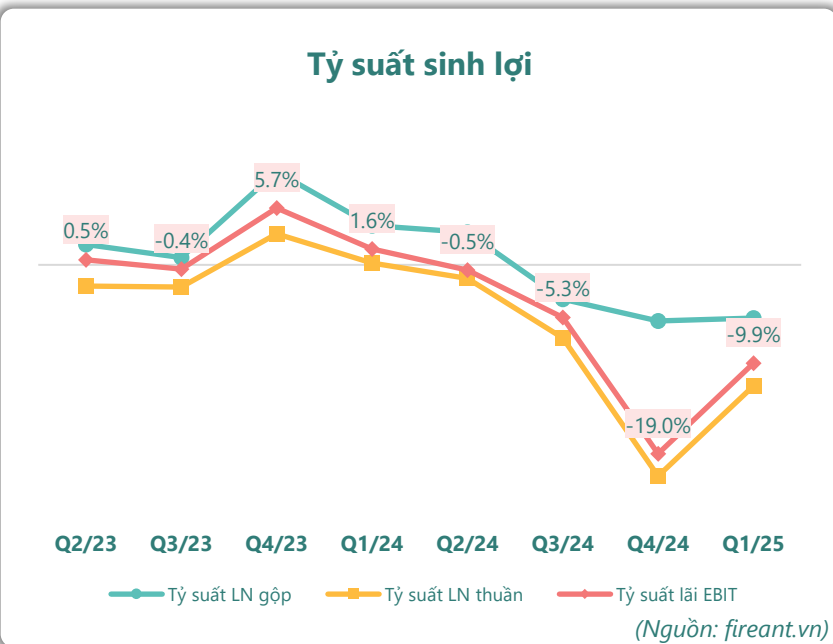
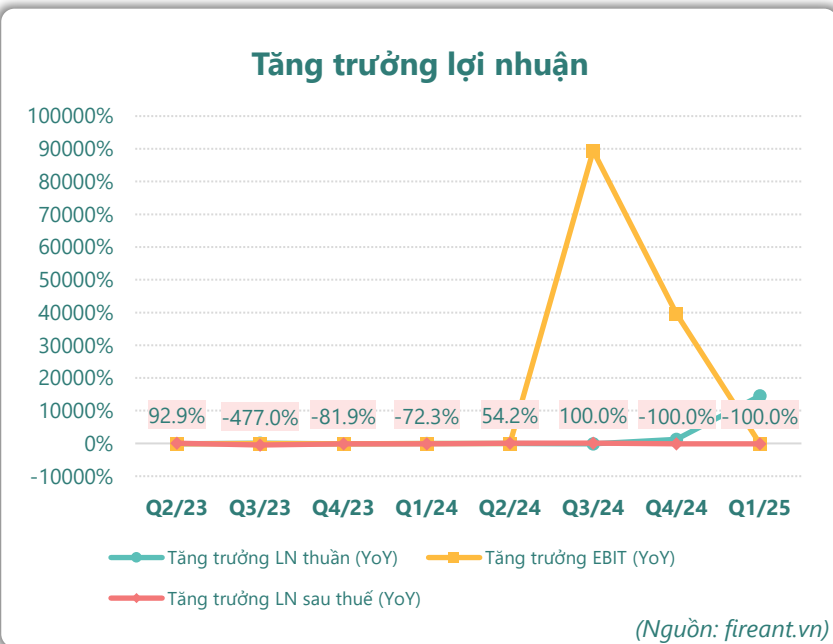
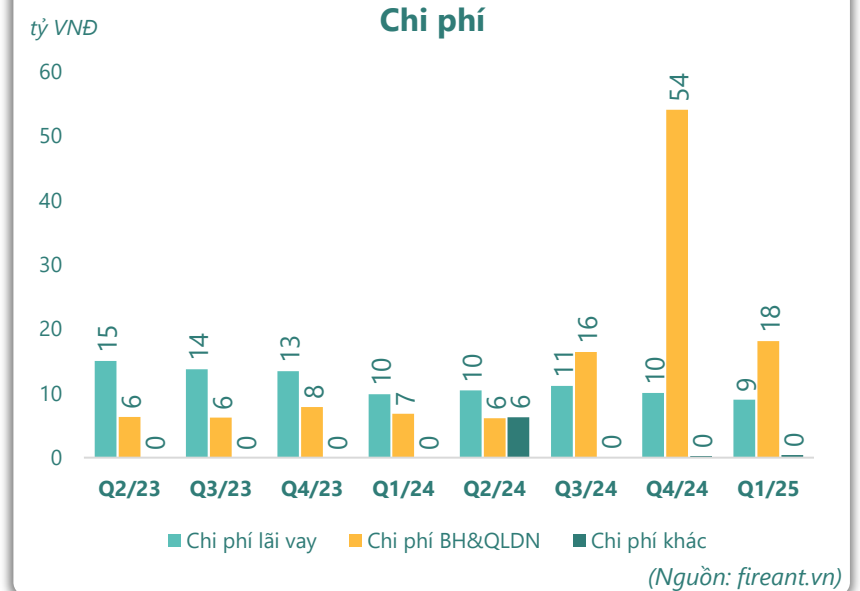
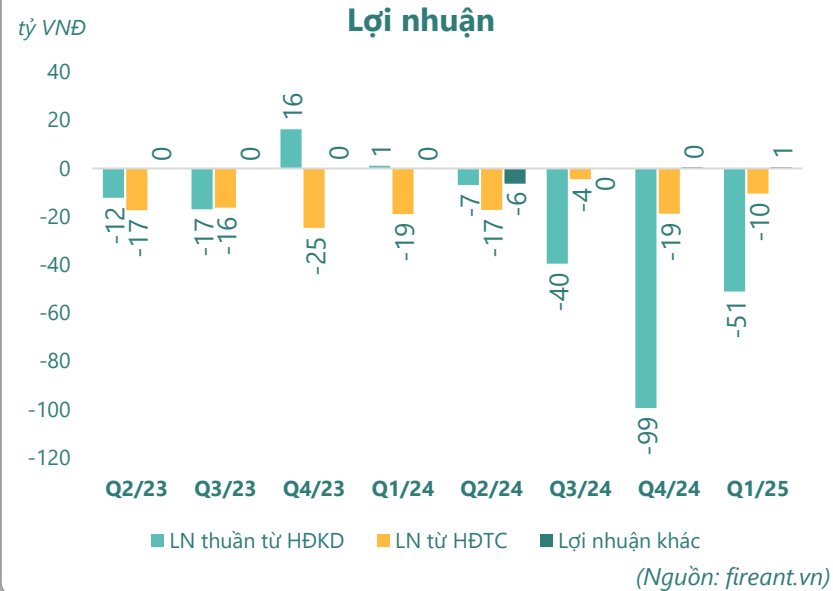
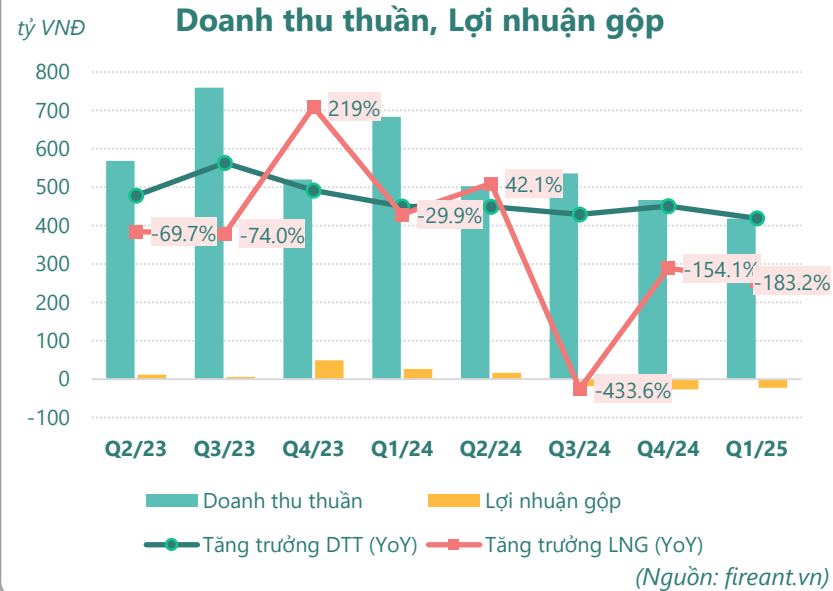
DT thuần 2024
2,188
tỷ VNĐ
YoY: ▼428 -16.4%

LN thuần 2024
-154
tỷ VNĐ
YoY: ▼156 -9310%

LN sau thuế 2024
-160
tỷ VNĐ
YoY: ▼161 -11650%



KẾT QUẢ KINH DOANH

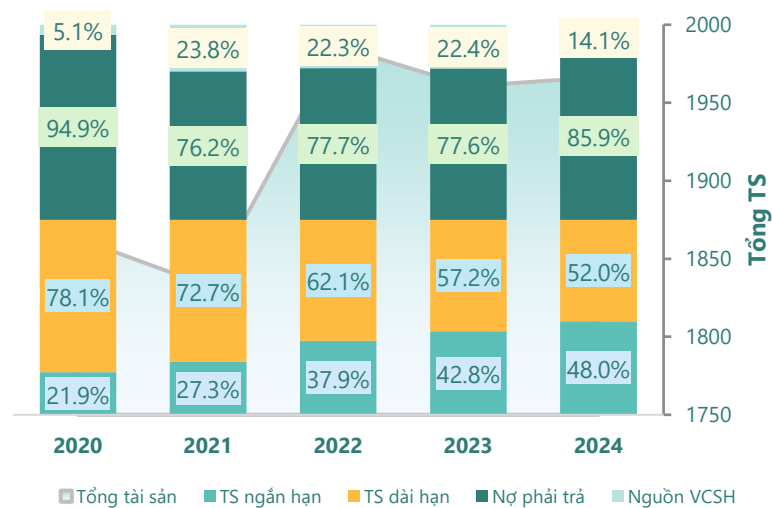




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

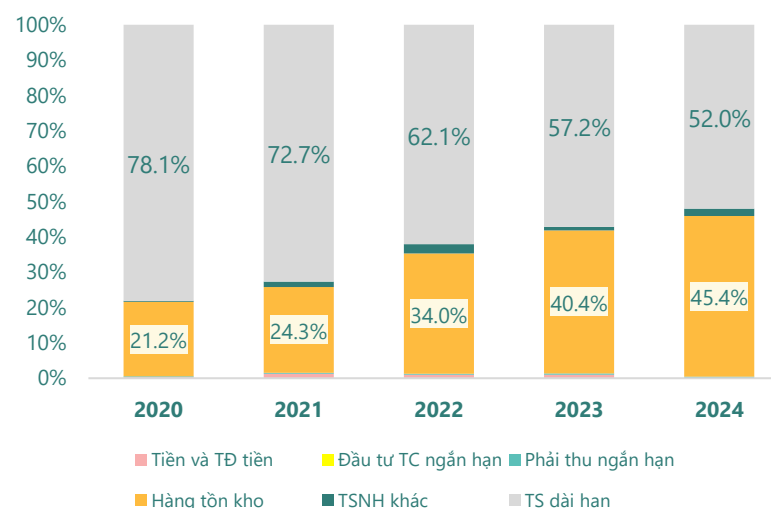
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

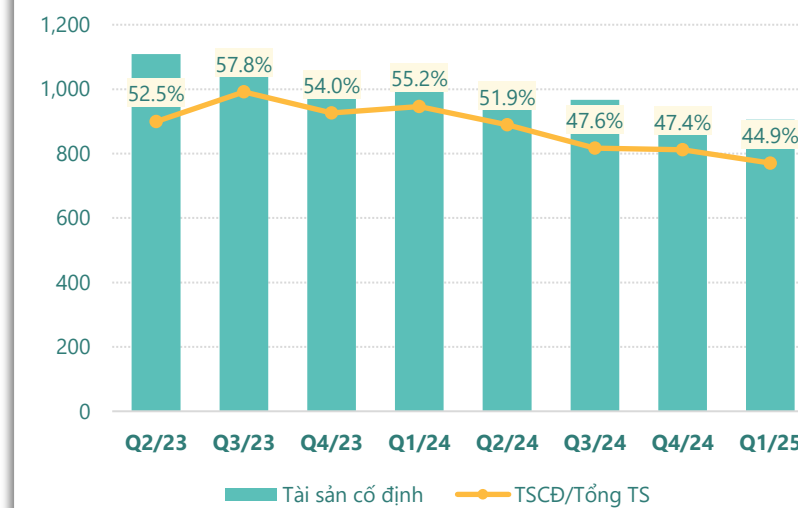
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

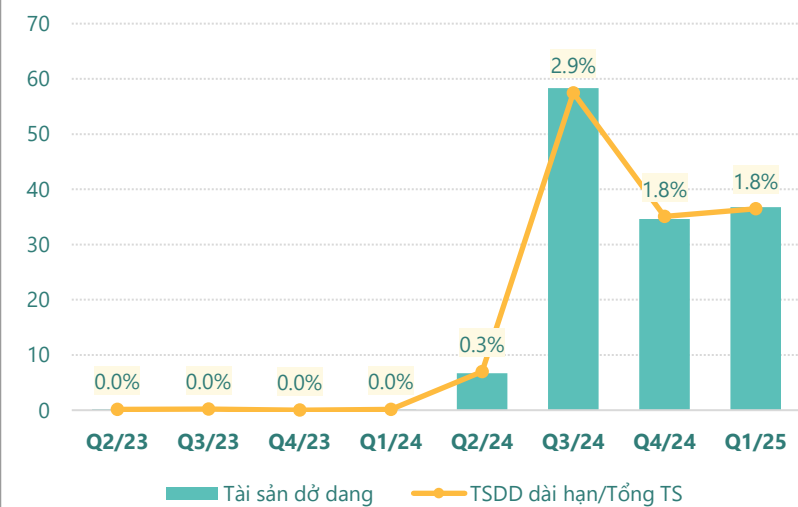
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

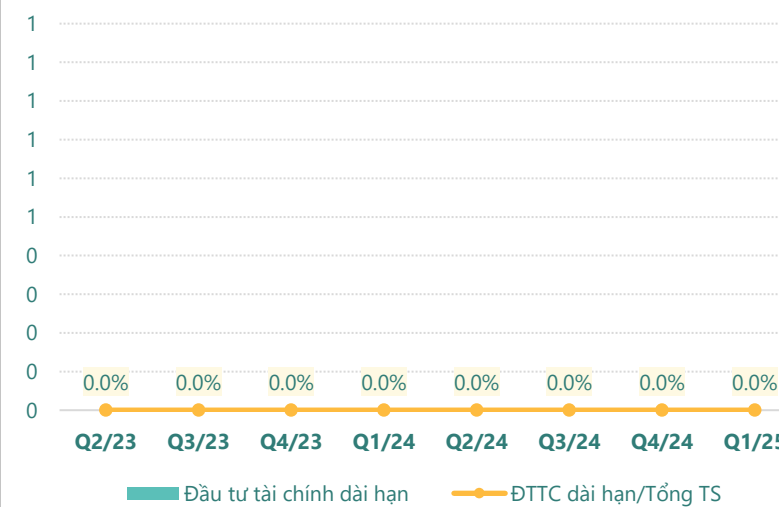
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

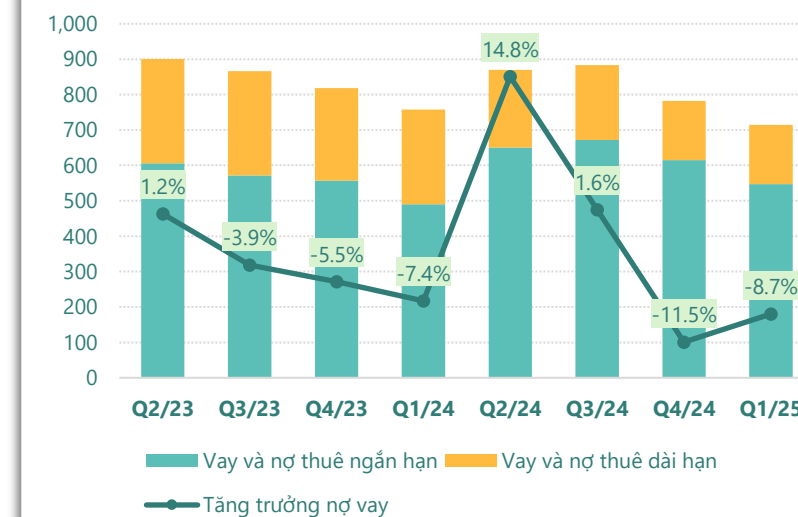
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

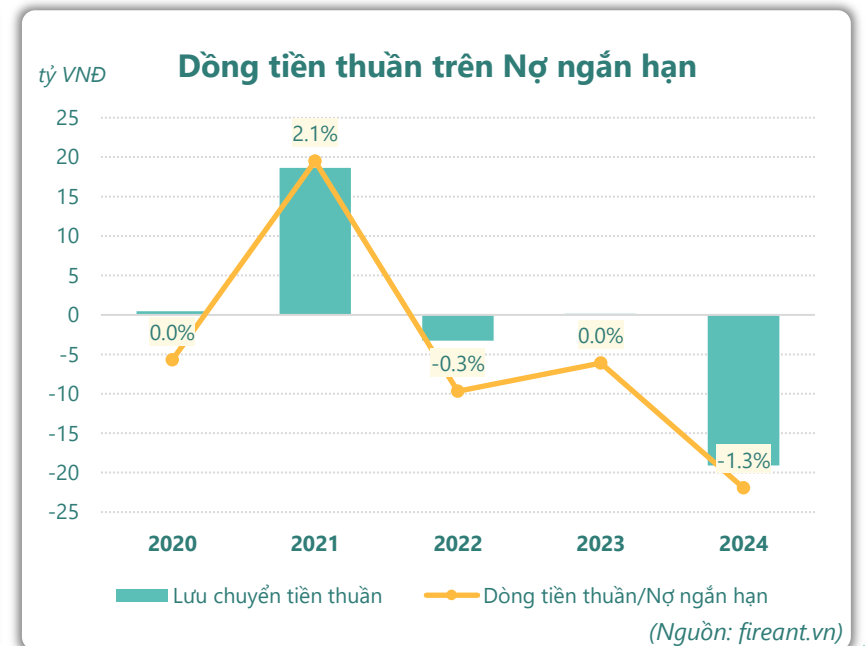
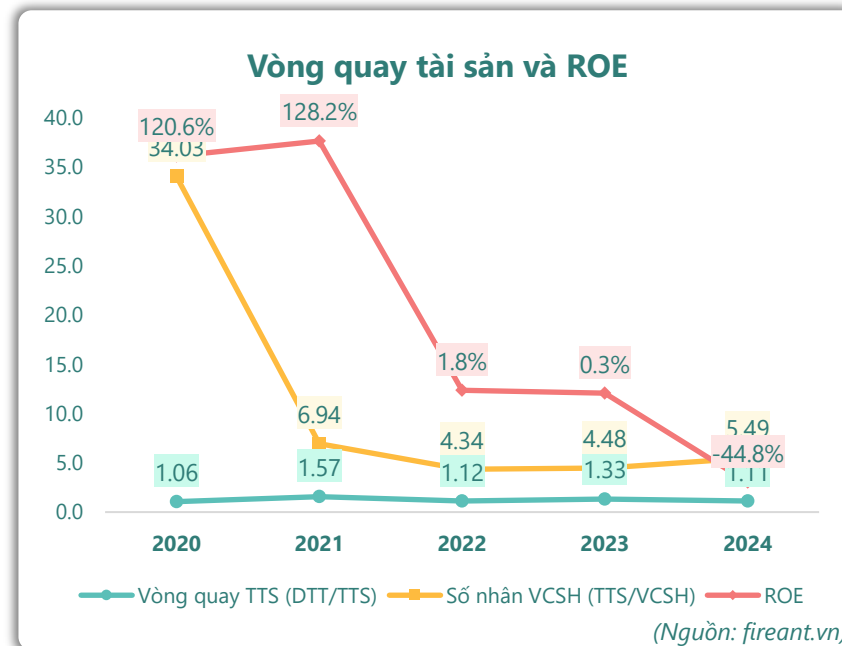
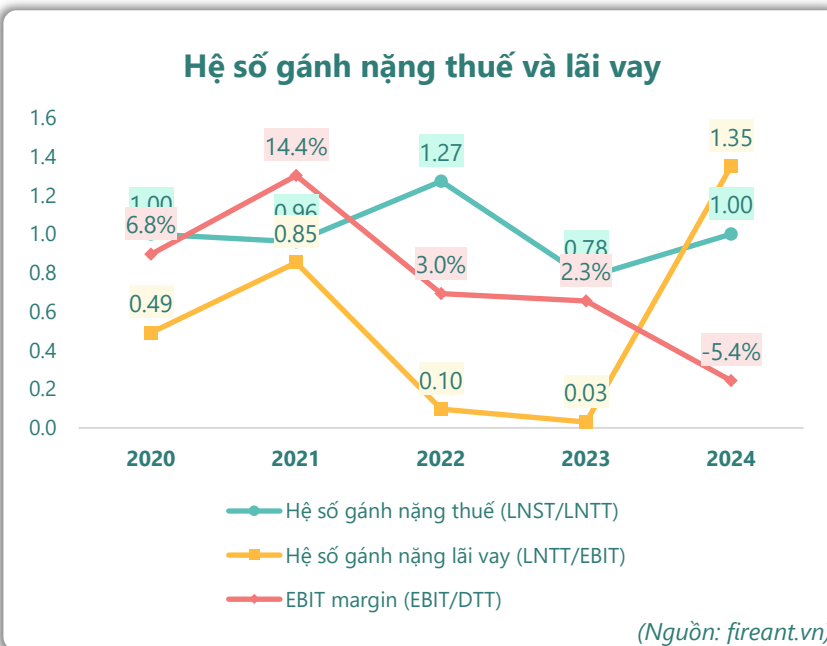
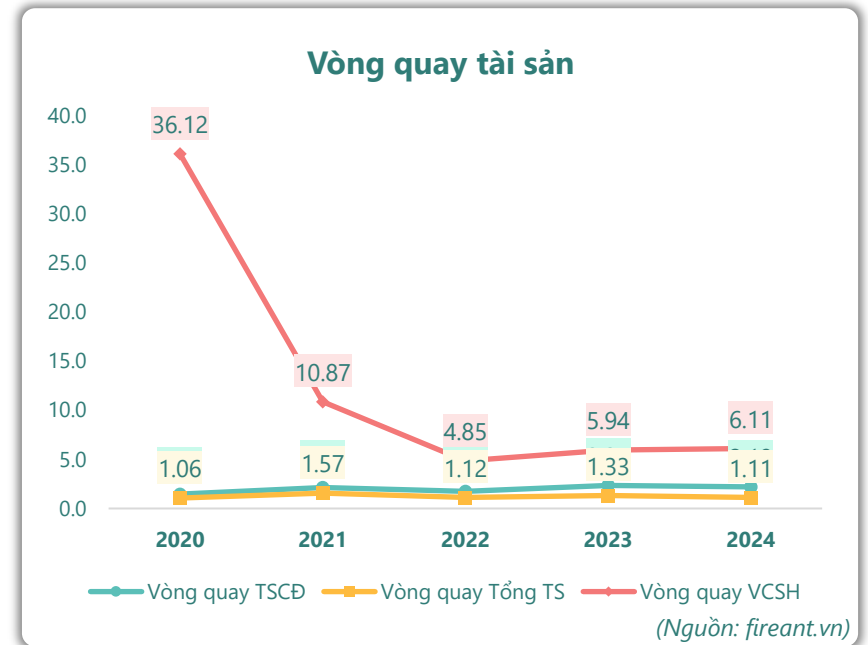
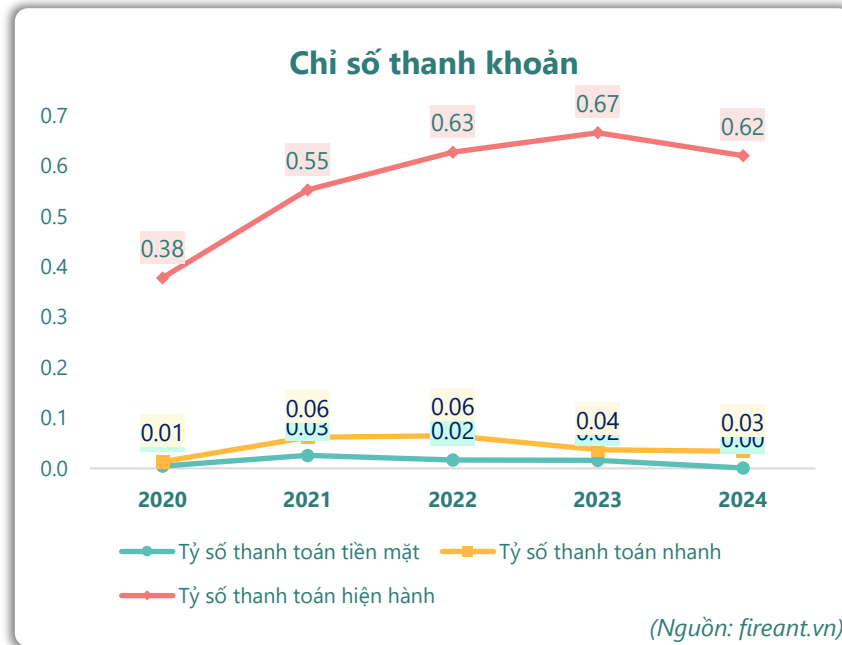
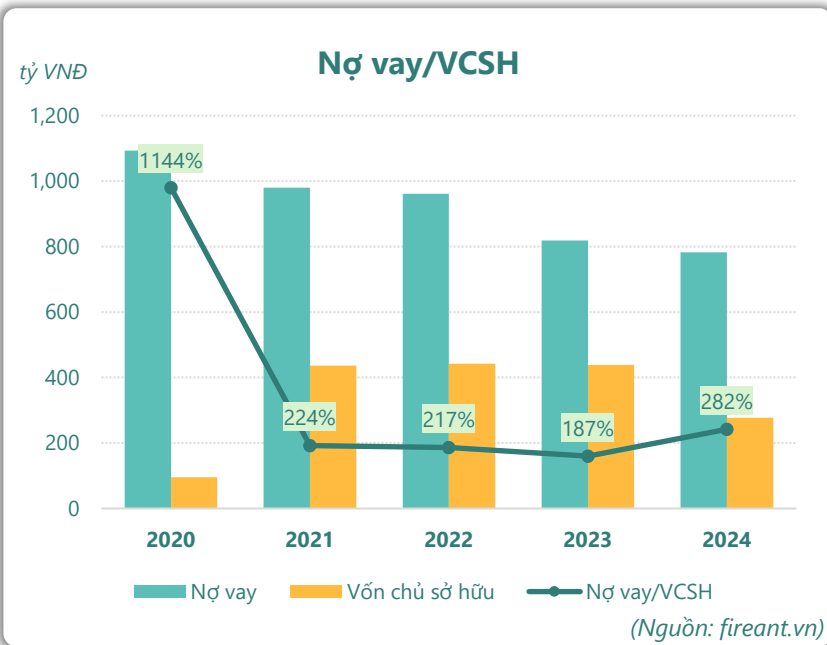
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	418	683	-38.8%	2,188	2,616	-16.4%
Giá vốn hàng bán	441	656	-32.8%	2,200	2,512	-12.4%
Lợi nhuận gộp	-22.4	26.9	-183%	-11.4	104	-111%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-65.0%	0.03	1.16	-97.0%
Chi phí TC	10.5	19.0	-45.0%	59.6	74.9	-20.5%
Chi phí lãi vay	9.01	9.85	-8.6%	41.6	58.1	-28.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	12.2	0.50	2338%	27.4	3.24	747%
Chi phí QLDN	5.95	6.33	-6.0%	56.1	25.8	118%
LN thuần từ HĐKD	-51.0	1.17	-4460%	-154	1.68	-9310%
Lợi nhuận khác	0.50	0.01	4919%	-5.86	0.11	-5245%
LN trước thuế	-50.5	1.18	-4380%	-160	1.79	-9051%
Lợi nhuận sau thuế	-50.5	0.96	-5361%	-160	1.39	-11650%
LNST của CĐ cty mẹ	-50.5	0.96	-5361%	-160	1.39	-11650%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	76.6	64.6	-107	46.0	50.0	76.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-10.8	0.01	-8.79	-49.5	21.6	-2.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-49.2	-60.5	99.2	21.1	-95.4	-68.0
Tiền đầu kỳ	3.59	20.2	24.3	7.51	25.0	1.13
Lưu chuyển tiền thuần	16.6	4.11	-16.8	17.5	-23.9	6.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.2	24.3	7.51	25.0	1.13	7.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,014	1,966	2.4%
Tài sản ngắn hạn	1,018	944	7.8%
Tiền và tương đương tiền	7.68	1.13	578%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.75	7.46	3.9%
Hàng tồn kho	966	893	8.2%
Tài sản ngắn hạn khác	36.7	42.4	-13.2%
Tài sản dài hạn	995	1,022	-2.6%
Phải thu dài hạn	27.2	27.3	-0.3%
Tài sản cố định	905	936	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.8	34.7	6.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.4	24.1	9.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,787	1,689	5.8%
Nợ ngắn hạn	1,619	1,521	6.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	547	615	-11.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	896	789	13.5%
Nợ dài hạn	168	168	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	168	168	-0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	227	277	-18.2%
Vốn chủ sở hữu	227	277	-18.2%
Vốn điều lệ	430	430	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

